TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 5 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quàng Văn Tiện.

2. Bà Phạm Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa: Ông Sộng Nỏ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 88/2024/TLST – HNGĐ, ngày 08/3/2024 về việc: Xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 17/4/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vàng Thị N, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Bản H (trước là bản L), xã K, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Lầu Vạng P, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản H (trước là bản L), xã K, huyện M, tỉnh Sơn La. Hiện đang thi hành án phạt tù tại: Tổ 1, phân trại số 2, Trại giam Vĩnh Quang, Cục C10 - Bộ Công an; Địa chỉ trại giam: Thôn Vĩnh Ninh, xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/01/2024 và các văn bản thể hiện ý kiến nguyên đơn chị Vàng Thị N trình bày: Chị và anh Lầu Vạng P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Sơn La vào ngày 29/02/2016. Cuộc sống chung thường nảy sinh mâu thuẫn, chị N đã nhiều lần tha thứ cho anh P nhưng anh P vẫn không thay đổi, khi chị phải đi làm xa không quản được chồng thì anh P đã thực hiện hành vi phạm tội buôn bán về ma túy và đã bị kết án 20 năm tù, hiện nay anh P đang đi

chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang ở Tam Đảo, Vĩnh Phúc, chị thấy cuộc sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chồng phải đi thi hành án phạt tù một thời gian dài như vậy thì cuộc sống gia đình không đảm bảo, chị không thể chờ đợi anh P được, chị cũng thấy không còn tình cảm với anh P nữa, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nên có đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Lầu Vạng P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị không có người con chung nào. Về tài sản chung: Không kê khai không yêu cầu Tòa giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Do bận công việc nên chị N đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án do anh Lầu Vạng P đang phải thi hành án phạt tù tại Trại giam Vĩnh Quang nên Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã ủy thác để Trại giam Vĩnh Quang lập biên bản lấy ý kiến của anh P về việc xin ly hôn của chị N và tống đạt các tài liệu liên quan. Theo văn bản thể hiện lời khai anh P có ý kiến như sau: Anh và chị N kết hôn đúng như chị N đã trình bày, tuy nhiên anh cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị N rất hạnh phúc không hề có mâu thuẫn gì, khi đi cải tạo anh đã nhận ra lỗi lầm của mình nên có mong muốn được hàn gắn với chị N, sau khi cải tạo xong trở về anh sẽ tu chí làm ăn để bù đắp cho chị N. Vì vậy, chị N có yêu cầu xin được ly hôn anh không đồng ý. Anh xác nhận giữa anh và chị N không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Do đang phải thi hành án phạt tù tại Trại giam Vĩnh Quang nên anh không thể có mặt tại phiên tòa được, anh P đã có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh P và chị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với anh P, chị N là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vàng Thị N, xử cho chị N được ly hôn anh Lầu Vạng P. Do các đương sự đều thừa nhận không có con chung, nợ chung, tài sản chung nên không đặt vấn đề giải quyết. Chị N được miễn án phí theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vàng Thị N đối với anh Lầu Vạng P có đăng ký cư trú tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La được Tòa án nhân dân huyện Sông Mã thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Sau khi chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lầu Vạng P, anh P đã có ý kiến về việc xin ly hôn của chị N, nhưng anh P đang phải thi hành án phạt tù tại Trại giam Vĩnh Quang nên anh không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn được. Anh Lầu Vạng P và chị Vàng Thị N đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Vàng Thị N và anh Lầu Vạng P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện M vào ngày 29/02/2016. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 xác định việc kết hôn là đúng theo các quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị N và anh P xuất phát từ việc anh P phải đi thi hành án phạt tù trong thời gian rất dài nên không thể cùng chị N xây dựng cuộc sống chung. Tuy anh P không nhất trí ly hôn nhưng việc anh P phải đi chấp hành án phạt tù với thời gian rất dài như vậy làm cuộc sống chung của vợ chồng không thể diễn ra, không thể cùng chị N vun đắp, xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc được, bản thân chị N cũng xác định không thể chờ đợi anh P chấp hành án xong được. Xét mâu thuẫn gia đình là trầm trọng, cuộc sống chung không thể diễn ra, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị N được ly hôn với anh P là có căn cứ và phù hợp với các quy định tại Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của chị N, tạo điều kiện cho chị N có cơ hội được xây dựng cuộc sống mới hạnh phúc.

[3] Về con chung: Cả chị N và anh P đều thừa nhận quá trình chung sống anh chị chưa sinh được người con nào và cũng không có tài liệu giấy tờ nào thể hiện anh chị đã có con chung. Vì vậy, xác định giữa chị N và anh P không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Cả chị N và anh P đều không kê khai về tài sản chung và đều thừa nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Vàng Thị N là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vàng Thị N đối với anh Lầu Vạng P. Xử cho chị Vàng Thị N được ly hôn anh Lầu Vạng P.

Về con chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Vàng Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vàng Thị N, anh Lầu Vạng P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiềng Khoong;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Nhung